

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HS-ST
Ngày: 31-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đoàn Văn Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Hinh;

Ông K' Đào.

- Thư ký phiên tòa: ông Phí Hoàng Tuấn - Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Hà Trang Quỳnh Huế - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 và 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 134/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Mai Chí Đ, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2004 tại Lâm Đồng; nơi cư trú: 06 H, tổ dân phố A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Mai Xuân H**, sinh năm: 1963 và bà **Bùi Thị C**, sinh năm: 1968; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2502/QĐ-XPVPHC ngày 17/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn D, tỉnh Lâm Đồng phạt tiền 1.250.000 đồng về hành vi "Xâm hại đến sức khỏe người khác", ngày 25/8/2022 bị cáo đã chấp hành xong. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh **Hồng Hỷ P**, sinh năm: 2004; địa chỉ: số B xóm B, thôn E, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, xin xét xử vắng mặt.

2. Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm: 1995; địa chỉ: số A thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, có mặt tại phiên tòa.

3. Anh **Mai Chí C1**, sinh năm: 1999; địa chỉ: **số F H, tổ dân phố A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng**, vắng mặt.

4. Ông **Mai Xuân H**, sinh năm: 1963; địa chỉ: **số F H, tổ dân phố A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng**, vắng mặt.

5. Bà **Bùi Thị C**, sinh năm: 1968; địa chỉ: **số F H, tổ dân phố A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng**, có mặt tại phiên tòa.

6. Anh **Mai Chí T**, sinh năm: 2002; địa chỉ: **số F H, tổ dân phố A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng**, có mặt tại phiên tòa.

7. Anh **Lê Hoàng Vũ Đ1**, sinh năm: 2002; địa chỉ: **G thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng**, có mặt tại phiên tòa.

8. Bà **Nguyễn Thị Tuyết N**, sinh năm: 1979; địa chỉ: **số B xóm B, thôn E, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng**, xin xét xử vắng mặt.

9. Bà **Nguyễn Thị Tuyết N1**, sinh năm: 1986; địa chỉ: **số B, thôn I, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng**, xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra phối hợp cùng **Công an xã T** phát hiện quả tang **Mai Chí Đ** đang có hành vi cho vay và đòi nợ với lãi suất cao đối với anh **Hồng Hỷ P**, sinh năm: 2004; nơi cư trú: **số B xóm B thôn E, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng**.

Quá trình điều tra xác định:

Mai Chí Đ có quen biết với **Hồng Hỷ P** do học cùng trung học phổ thông với nhau (từ lớp 10 đến lớp 11 **trường trung học phổ thông P1**). Bản thân **P** do chơi game online nên cần tiền để nạp vào game, nên **P** liên hệ **Đ** hỏi vay tiền, nói là để giải quyết việc riêng và **Đ** đồng ý cho **P** vay. Khi giao dịch vay tiền thì dùng phương pháp chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng, **Mai Chí Đ** sử dụng số tài khoản 20043455555, **Ngân hàng thương mại cổ phần Q** (MB), chủ tài khoản **Mai Chí Đ**. **P** sử dụng số tài khoản 64210000706291, **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ2** (B), chủ tài khoản **Hồng Hỷ P**.

Lần thứ nhất: Vào khoảng đầu tháng 7/2023 **P** hỏi vay **Đ** số tiền là 150.000.000 đồng (**Đ** đã chuyển khoản cho **P** 02 lần), hẹn sau 14 ngày trả cả gốc và lãi, thỏa thuận lãi suất là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Do **P** trễ hạn trả nợ 04 ngày nên **Đ** tính lãi là 18 ngày với số tiền là 27.000.000 đồng. Việc vay này thì **Đ** và **P** chỉ thỏa thuận miệng, không làm giấy tờ hay hợp đồng gì cả. Số

tiền trên **P** đã trả đủ cho **Đ** cả gốc và lãi. Khi trả thì **P** xin tiền gia đình và dùng tài khoản của **Nguyễn Thị Tuyết N1**, sinh năm: 1986; nơi cư trú: **số nhà B thôn I, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng** (là dì của **P**), chuyển khoản cho **Mai Chí Đ**, cụ thể: ngày 04/8/2023, **Nguyễn Thị Tuyết N1** chuyển khoản cho **Mai Chí Đ** số tiền là 150.000.000 đồng tiền gốc; ngày 07/7/2023 **Nguyễn Thị Tuyết N1** chuyển khoản cho **Mai Chí Đ** số tiền là 27.100.000 đồng (27.000.000 đồng là tiền lãi, còn 100.000 tiền Phương mượn riêng bên ngoài không có tính lãi suất, tiền thể khi trả tiền thì **P** trả **Đ**).

Như vậy, **Mai Chí Đ** cho **P** vay với lãi suất là 365%/năm, cho vay gấp 18,25 lần lãi suất mà Bộ luật dân sự cho phép (20%/năm). Số tiền lãi **Đ** được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 1.479.452 đồng. Như vậy, **Đ** thu lợi bất chính số tiền là 25.520.548 đồng.

Lần thứ hai: Vào tháng 8/2023 **P** tiếp tục hỏi vay **Đ** số tiền là 250.000.000 đồng. **Đ** đã chuyển khoản cho **P** nhiều lần (tổng số tiền **Đ** đã chuyển cho **P** là 270.500.000 đồng, tuy nhiên chỉ có số tiền vay 250.000.000 đồng là tính lãi, 20.500.000 đồng là tiền vay rồi trả trong ngày, không tính lãi). **Đ** và **P** thỏa thuận sau 30 ngày trả đủ cả gốc và lãi, thỏa thuận lãi suất là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Do **P** trễ hạn 04 ngày nên **Đ** tính lãi là 34 ngày với số tiền là 85.000.000 đồng, **P** xin **Đ** bỏ bớt 35.000.000 đồng tiền lãi, thì **Đ** đồng ý giảm lãi suất của 250.000.000 đồng trong 34 ngày xuống còn số tiền lãi là 50.000.000 đồng.

Ngày 15/9/2023 **Đ** và **P** hẹn gặp nhau ở **quán C2 ở tổ A, thị trấn D, D, Lâm Đồng** để tính tiền nợ. Do lần trước khi trả nợ thì gia đình **P** bắt **Đ** cam kết không được cho **P** vay nữa nên **Đ** và **P** nói chuyện với nhau là sẽ nhờ một người quen của **Đ** đứng ra giả vờ cho **P** vay rồi **P** viết giấy nợ người này, sau đó cầm giấy nợ về nói gia đình trả nợ thay.

Sau đó **Đ** nhờ anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm: 1995; nơi cư trú: **thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng** (là người quen của **Đ**) cũng đang ngồi uống nước ở bàn gần đó trong quán cà phê **A**, để cho **P** mượn căn cước công dân và **P** viết giấy vay tiền **L**, **P** ghi tổng số tiền vay là 300.000.000 đồng (mục đích để lấy tiền của gia đình để trả **Đ** 250.000.000 đồng tiền gốc và 50.000.000 đồng tiền lãi), **P** còn ghi trên giấy vay tiền là vay từ ngày 10/6/2023 đến ngày 10/9/2023 mục đích để **P** xin gia đình thêm tiền lãi để dùng vào việc cá nhân của **P**. **L** nghe **P** và **Đ** nói là tính tiền lãi từ ngày 10/6/2023 đến ngày 10/9/2023 (90 ngày) lãi là 50.000.000 đồng, do tính toán như vậy **L** thấy lãi xuất cũng thấp (khoảng hơn 2.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày, lãi suất 81,11%/năm), nên **L** mới đồng ý đưa căn cước công dân của

L cho P mượn để P viết giấy vay tiền và L đứng tên người cho vay trên giấy vay tiền mà P viết.

Đến ngày 28/9/2023 khi Đ vào nhà P hỏi lấy tiền nợ là 300.000.000 đồng thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra phối hợp cùng Công an xã T phát hiện và đến triệu tập về làm việc.

Như vậy, ở lần vay thứ hai Mai Chí Đ cho P vay với lãi suất là 214.706%/năm, cho vay gấp 10,74 lần lãi suất mà Bộ luật dân sự cho phép (20%/năm). Số tiền lãi Đ được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 4.657.534 đồng. Như vậy, Đ thu lợi bất chính số tiền là 45.342.466 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Đ thu lợi bất chính trong hai lần cho vay là 70.863.014 đồng.

Về nguồn gốc số tiền Đ cho P vay: Lần thứ nhất Đ cho P vay 150.000.000 đồng, thì 100.000.000 đồng là của Đ để dành dụm được khi làm công nhân ở Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2022. Số tiền 50.000.000 đồng thì Đ mượn được của anh trai Đ tên Mai Chí C1, sinh năm: 1999; nơi cư trú: số F H, tổ A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Lần thứ hai Đ lấy từ tiền mà P trả gốc và lãi là được 177.000.000 đồng, Đ bán vàng của cá nhân Đ được 30.000.000 đồng, Đ mượn bố mẹ là ông Mai Xuân H, sinh năm: 1963 và bà Bùi Thị C, sinh năm: 1968; cùng cư trú tại số F H, tổ A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng được 50.000.000 đồng. Đ mượn 20.000.000 đồng của anh Lê Hoàng Vũ Đ1, sinh năm: 2002; nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Toàn bộ những người cho Đ vay tiền đều không biết Đ vay tiền dùng vào hoạt động cho vay lãi nặng.

Tại cơ quan điều tra, Mai Chí Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã thu giữ: 01 giấy vay tiền đề ngày 10/6/2023, số tiền vay là 300.000.000 đồng, do Hồng Hỷ P viết tay; 01 giấy nộp tiền đề ngày 04/8/2023, Nguyễn Thị Tuyết N1 chuyển khoản cho Mai Chí Đ, số tiền chuyển 150.000.000 đồng; 01 giấy ủy nhiệm chi đề ngày 07/7/2023, Nguyễn Thị Tuyết N1 chuyển khoản cho Mai Chí Đ, số tiền chuyển 27.100.000 đồng; 15 tờ sổ phụ chi tiết kiệm báo nợ/báo có, chủ tài khoản Mai Chí Đ, Ngân hàng thương mại cổ phần Q (MB), hiện đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án; 01 điện thoại di động Iphone 14 Pro Max, bên trong có sim 0366092895 của Mai Chí Đ, hiện đã trả lại cho Mai Chí Đ; 01 xe mô tô và giấy đăng ký xe biển số: 59L2 - 799.87, hiện đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Mai Chí T, sinh năm: 2002; nơi cư trú: số F H, tổ A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Do lần vay thứ hai Hồng Hỷ P chưa trả nợ nên Mai Chí Đ yêu cầu P phải trả cho Đ nợ gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định

của Bộ luật dân sự là 4.657.534 đồng, **Đ** sẽ trả lại **P** số tiền **Đ** đã thu lợi bất chính trong lần vay thứ nhất là 25.520.548 đồng. Như vậy, **Đ** yêu cầu **P** phải trả cho **Đ** số tiền 229.136.986 đồng.

Cáo trạng số 06/CT-VKSDL ngày 28/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo **Mai Chí Đ** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi mà mình đã thực hiện như nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, không có nội dung gì thay đổi. Bị cáo thống nhất và không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bị cáo đồng ý để anh **P** nộp lại số tiền mà bị cáo cho anh **P** vay và tiền lãi theo quy định của pháp luật để sung vào Ngân sách nhà nước mà không yêu cầu anh **P** phải trả lại cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh **T** trình bày đã nhận lại xe mô tô và giấy đăng ký xe biển số 59L2 - 799.87, không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà **Bùi Thị C**, anh **Lê Hoàng Vũ Đ1** không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền mà bị cáo đã vay trong vụ án này, nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác theo thủ tục chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh **Nguyễn Văn L** trình bày chỉ đúng tên giùm bị cáo trong giấy vay tiền, không biết việc bị cáo cho vay lãi nặng, không hưởng lợi ích gì trong việc này, không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội, tranh luận đối với bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo **Mai Chí Đ** về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng số 06/CT-VKSDL ngày 28 tháng 12 năm 2023 và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Mai Chí Đ** đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Qua phân tích đánh giá tính chất mức độ về hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng đề nghị:

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 201, các Điều 35, 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Mai Chí Đ** từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng.

Buộc bị cáo **Mai Chí Đ** phải nộp lại số tiền vay gốc của lần cho vay thứ nhất là 150.000.000 đồng và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà **Đ** đã thu của người vay là 1.479.452 đồng. Ngoài ra,

Đ phải trả lại cho **Hồng Hỷ P** số tiền thu lợi bất chính đã thu trong lần vay thứ nhất là 25.520.548 đồng.

Đối với số tiền vay gốc của lần cho vay thứ hai là 250.000.000 đồng do **Hồng Hỷ P** chưa trả lại cho bị cáo **Đ** nên đề nghị truy thu lại từ **Hồng Hỷ P** để sung vào Ngân sách Nhà nước. Đối với các khoản tiền lãi của lần vay thứ hai do **P** chưa trả cho bị cáo **Đ** nên không đề cập xử lý.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 giấy vay tiền đề ngày 10/6/2023, số tiền vay là 300.000.000 đồng, do **Hồng Hỷ P** viết tay; 01 giấy nộp tiền đề ngày 04/8/2023, **Nguyễn Thị Tuyết N1** chuyển khoản cho **Mai Chí Đ**, số tiền là 150.000.000 đồng; 01 giấy ủy nhiệm chi đề ngày 07/7/2023, **Nguyễn Thị Tuyết N1** chuyển khoản cho **Mai Chí Đ**, số tiền là 27.100.000 đồng; 15 tờ sổ phụ chi tiết kiểm báo nợ/báo có, chủ tài khoản **Mai Chí Đ**, **Ngân hàng thương mại cổ phần Q (MB)**.

Về án phí: buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh **L**, bà **C**, anh **Đ1**, anh **T** không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện D**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện D**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh **P**, bà **N**, bà **N1** có đơn xin xét xử vắng mặt; anh **C1**, ông **H** vắng mặt không có lý do nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai

của những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định: Vào đầu tháng 7/2023 tại huyện D, tỉnh Lâm Đồng, Mai Chí Đ đã cho Hồng Hỷ P vay số tiền 150.000.000 đồng, với lãi suất là 365%/năm, lãi suất cho vay gấp 18,25 lần lãi suất mà Bộ luật dân sự cho phép (20%/năm). Số tiền lãi Đ được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 1.479.452 đồng. Đ thu lợi bất chính số tiền là 25.520.548 đồng.

Vào tháng 8/2023 tại huyện D, tỉnh Lâm Đồng, Mai Chí Đ đã cho Hồng Hỷ P vay số tiền 250.000.000 đồng, với lãi suất là 214.706%/năm, lãi suất cho vay gấp 10,74 lần lãi suất mà Bộ luật Dân sự cho phép (20%/năm). Số tiền lãi Đ được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 4.657.534 đồng. Đ thu lợi bất chính số tiền là 45.342.466 đồng. Tổng số tiền Đ thu lợi bất chính trong hai lần cho vay là 70.863.014 đồng. Hành vi của bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4.2] Về tính tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ thái độ ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

[4.3] Về nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2502/QĐ-XPVPHC ngày 17/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn D, tỉnh Lâm Đồng phạt tiền 1.250.000 đồng về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe người khác”, ngày 25/8/2022 bị cáo đã chấp hành xong.

[5] Về quyết định hình phạt: Xét thấy bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có nhận thức pháp luật, biết rõ hành vi cho vay với mức lãi suất cao hơn 05 lần lãi suất theo quy định của pháp luật là hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi mà bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, ảnh hưởng trật tự, trị an của xã hội. Hành vi đó làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện. Do đó, để có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo cũng như đấu tranh phòng chống tội phạm chung trong xã hội, cần có mức

hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xét xét cho bị cáo ở chỗ: trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thể hiện ăn năn hối cải, thật thà khai báo; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa có tiền án, tiền sự nên để tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành người công dân có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt bị cáo hình phạt tiền cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về biện pháp tư pháp: Bị cáo sử dụng tiền để thực hiện hành vi phạm tội nên cần buộc bị cáo **Mai Chí Đ** phải nộp lại số tiền vay gốc của lần cho vay thứ nhất là 150.000.000 đồng và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà **Đ** đã thu của người vay là 1.479.452 đồng. Đối với số tiền vay gốc của lần cho vay thứ hai là 250.000.000 đồng do **Hồng Hỷ P** chưa trả lại cho bị cáo **Đ** tiền nợ gốc và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà **Đ** đã thu của người vay là 4.657.534 đồng nên cần truy thu lại từ **Hồng Hỷ P** để sung vào Ngân sách Nhà nước. Đối với các khoản tiền lãi thu lợi bất chính vượt quá quy định của pháp luật của lần vay thứ hai do **P** chưa trả cho bị cáo **Đ** nên không đề cập xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự: anh **P** yêu cầu bị cáo **Đ** phải trả lại cho **Hồng Hỷ P** số tiền thu lợi bất chính đã thu trong lần vay thứ nhất là 25.520.548 đồng, bị cáo đồng ý trả lại cho anh **P** số tiền 25.520.548 đồng nên buộc bị cáo phải trả lại cho anh **P** số tiền này.

[8] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà **Bùi Thị C**, anh **Lê Hoàng Vũ Đ1** không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền mà bị cáo đã vay trong vụ án này, nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác theo thủ tục chung nên không đề cập.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 14 **P**, bên trong có sim 0366092895 của **Mai Chí Đ**, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo nên không đề cập; 01 xe mô tô và giấy đăng ký xe biển số 59L2 - 799.87 là tài sản hợp pháp của anh **Mai Chí T**, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh **T**. Anh **T** đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên không đề cập.

Đối với: 01 giấy vay tiền đề ngày 10/6/2023, số tiền vay là 300.000.000 đồng, do **Hồng Hỷ P** viết tay; 01 giấy nộp tiền đề ngày 04/8/2023, **Nguyễn Thị**

Tuyết N1 chuyển khoản cho Mai Chí Đ, số tiền chuyển 150.000.000 đồng; 01 giấy ủy nhiệm chi đề ngày 07/7/2023, Nguyễn Thị Tuyết N1 chuyển khoản cho Mai Chí Đ, số tiền chuyển 27.100.000 đồng; 15 tờ sổ phụ chi tiết kiểm báo nợ/báo có, chủ tài khoản Mai Chí Đ, Ngân hàng thương mại cổ phần Q liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

[10] Về án phí: buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Mai Chí Đ phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 201; các Điều 35, 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Mai Chí Đ số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng để sung vào Ngân sách nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp: buộc bị cáo Mai Chí Đ phải nộp lại số tiền cho vay là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng và số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.479.452 (một triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai) đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Buộc anh Hồng Hỷ P phải nộp lại số tiền vay của bị cáo Mai Chí Đ là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng và số tiền lãi vay theo quy định của pháp luật là 4.657.534 (bốn triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi bốn) đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Mai Chí Đ phải trả lại cho anh Hồng Hỷ P số tiền 25.520.548 (hai mươi lăm triệu năm trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị cáo Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 giấy vay tiền đề ngày 10/6/2023, số tiền vay là 300.000.000 đồng, do Hồng Hỷ P viết tay; 01 giấy nộp tiền đề ngày 04/08/2023, Nguyễn Thị Tuyết N1 chuyển khoản cho Mai Chí Đ, số tiền

150.000.000 đồng; 01 giấy ủy nhiệm chi đề ngày 07/7/2023, Nguyễn Thị Tuyết N1 chuyển khoản cho Mai Chí Đ, số tiền 27.100.000 đồng; 15 tờ sổ phụ chi tiết kiểm báo nợ/báo có, chủ tài khoản Mai Chí Đ, Ngân hàng thương mại cổ phần Q (MB).

5. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.276.027 (một triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa là bà C, các anh T, L, Đ1 có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa là các anh P, C1, ông H, bà N, bà N1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Công an huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS - AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Văn Chiến

